

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HSST

Ngày: 27/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Biên Hòa.

- *Thẩm phán tham gia phiên tòa:* Ông Mã Văn Quân.

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Vũ Bá Phương - Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối doanh nghiệp;

+ Bà Hoàng Phương Lâm - Cán bộ nghỉ hưu cư trú tại phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng.

+ Ông: Đỗ Minh Trọng - Chánh thanh tra Sở lao động thương binh và xã hội.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hà Thị Hằng Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Vi Lương Thanh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Củng Chấy T; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 06 tháng 3 năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

Tạm trú: Km5, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Pu Péo; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 11/12 phổ thông; Nghề nghiệp: Lái xe;

Con ông: Cung Phù A; đã chết;

Con bà: Lý Thị B; sinh năm 1947;

Địa chỉ: tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

Vợ: Phan Thúy X, đã ly hôn năm 2005.

Con: Cung Vương C sinh năm 2002, đang là học sinh và ở với bà nội Lý Thị E.

Anh, chị em ruột: Có 03 (ba) anh em, bị cáo là con út.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt giam từ ngày 12/3/2017. Hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ **Người bào chữa theo quy định của pháp luật:** Luật sư Hoàng Thị L1
- Thuộc văn phòng luật sư A - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Cung Chảy T. Có mặt.

+ **Người bị hại:** Bà Nông Thị Đ, sinh năm 1980 (đã chết).

+ **Người đại diện hợp pháp của người bị hại:**

1. Bà Nông Thị F, sinh năm 1944 - Mẹ đẻ của người bị hại. Vắng mặt.

Đã ủy quyền cho ông Nông Hồng N - Chồng của người bị hại theo Giấy ủy quyền ngày 21/4/2017.

2. Ông Nông Hồng N, sinh năm 1981 - Chồng của người bị hại - Trú tại: xóm N, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Cháu Nông Hương G, sinh ngày 24/5/2004 - Con đẻ của người bị hại - Trú tại: xóm N, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Người làm chứng:

1. Nông Thị F - sinh năm 1944, trú tại: Xóm N, xã X, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Nông Hương G - sinh ngày 25/4/2004, xóm N, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Hoàng Văn P - sinh năm 1994, trú tại: Đại đội cơ động. Tiểu đoàn huấn luyện cơ động, Bộ chỉ huy Biên Phòng tỉnh Cao Bằng (đóng tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng). Vắng mặt.

4. Lãnh Văn Z - sinh năm 1979, tạm trú: Xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

5. Nông Thị Y - sinh năm 1981, trú tại: Xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

6. Lý Văn C- sinh năm 1974, trú tại: Tiểu đoàn huấn luyện cơ động, Bộ chỉ huy Biên Phòng tỉnh Cao Bằng (đóng tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng). Vắng mặt.

7. Lê Bá L2 - sinh năm 1984, trú tại: Tiểu đoàn huấn luyện cơ động, Bộ chỉ huy Biên Phòng tỉnh Cao Bằng (đóng tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng). Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Cung Chảy T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Cung Chảy T và bị hại Nông Thị Đ quen biết nhau qua mạng xã hội từ tháng 12/2014. Cả hai có quan hệ tình cảm với nhau đến tháng 8/2016 thì Đ chuyển công tác từ thành phố C vào thị trấn B và ở nhờ tại khu nhà của Đại đội cơ động, Tiểu đoàn huấn luyện cơ động thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng đóng quân tại địa phận xóm N, thị trấn B, huyện, tỉnh Cao Bằng. T lái xe công trình ở thành phố C nên mỗi tháng vào thăm Đ 2 - 3 lần. Mỗi lần vào B, T ăn ngủ tại phòng trọ của Đ như vợ chồng.

Chiều ngày 08/3/2017, T đi xe máy từ thành phố C vào B. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, T đến phòng trọ của Đ. Do nghi ngờ Đ có quan hệ với người khác nên T tra khảo Đ dẫn đến việc hai bên hay cãi nhau. Chiều ngày 12/3/2017, T nói dối Đ đi về thành phố C nhưng thực tế vẫn ở thị trấn B với mục đích kiểm tra xem Đ có quan hệ với người khác nữa hay không. Đến 18 giờ 40 phút cùng ngày, T gọi điện cho Đ nhiều cuộc nhưng không thấy Đ trả máy. T đi xe máy từ quán nước cách khoảng 02 km tính từ phòng trọ của Đ, vừa đi vừa gọi điện liên tục thì Đ nghe máy và nói “*em khổ lắm rồi, L2 bắt em đi nói chuyện*”. Nghe vậy, T đi xe máy đến Đại đội cơ động Biên phòng gặp anh Lý Văn C là sĩ quan chỉ huy đơn vị bảo an C gọi anh Lê Bá L2 là sĩ quan thuộc Đại đội cơ động Biên phòng về đơn vị. Sau đó T quay ra thị trấn vào quán ăn cơm, uống rượu với nhóm bạn ở thị trấn B.

Được khoảng 10 đến 15 phút, T lại gọi điện tiếp cho Đ nhiều cuộc liên tục thì Đ mới trả máy, nói “em về đến nhà rồi”. Lúc này T càng bức mình và đi xe máy từ quán ăn về phòng trọ của Đ. Trên đường đi, T vào cửa hàng của chị Đoàn Phương M, ở tổ 3, thị trấn Bảo Lạc mua một con dao nhọn có chiều dài 38cm, phần lưỡi dài 26cm, rộng nhất 06cm với giá 90.000,0 đồng để đâm Đ. Sau đó, T để con dao và áo khoác, áo mưa ở giá đồ hàng của xe máy rồi đi thẳng lên khu nhà trọ. Khi đến nơi, thấy gia đình chị Đ đang ăn cơm, T đi xe qua khu nhà trọ, dừng một lúc mới quay xe lại đỗ xe trước cửa phòng trọ. Lúc này, T thấy Đ đang ngồi ở đầu dãy nhà trọ. T chửi Đ và yêu cầu Đ đi xuống Đại đội Biên phòng và kéo tay lôi Đ đi xuống Đại đội cơ động Biên phòng để nói chuyện. Tại đây, có mặt anh Lý Văn C và anh Triệu Minh H, Đ nói có tình cảm và nhắn tin với Lê Bá L2 đang công tác tại Đại đội cơ động Biên phòng, đồng thời Đ nói ở trọ thêm vài ngày nữa sẽ chuyển đi.

Sau đó T cùng Đ đi về phòng trọ. Khi đến trước cửa phòng trọ thì mẹ và con gái của Đ ở phòng khách, T tiếp tục chửi Đ và yêu cầu Đ đi chỗ khác nói chuyện nhưng Đ không đi mà vào phòng ngủ. Lúc này T cũng bê quần áo và con dao nhọn vào phòng ngủ, để ở sát chân giường. Đèn trong phòng ngủ không bật, ánh sáng hắt từ ngoài phòng khách vào, Đ ngồi ở thành giường gần phía cửa phòng, T đứng đối diện. T tiếp tục chửi đốp và nói “*anh đã nói với em nhiều lần*

rồi nhưng em không chịu nghe, bây giờ anh không chịu được nữa.” Đ có nói lại để thanh minh thì T cầm dao bằng tay phải đâm một nhát vào ngực trái của Đ, lưỡi dao xuyên thủng da, đứt 05 xương sườn, thủng thùy trên và thùy dưới phổi trái, làm đẹp ngã ngửa ra giường và kêu cứu “con ơi”. T theo đà đâm ngã chúi về phía trước, đè lên người Đ.

Nghe tiếng Đ kêu, cháu G và bà F cùng chạy vào phòng ngủ, bật điện phòng ngủ lên thì thấy T đang đè trên người Đ, tay vẫn đang cầm cán dao cắm ở ngực Đ. Cháu G nói “*bác làm gì đấy*”. T đi chân đất bỏ ra ngoài. Bà F rút dao khỏi ngực Đ, dùng khăn đè lên vết thương và mang dao cất ở dưới chân giường ngoài phòng khách. Cháu G chạy ra ngoài gọi người đưa Đ đi bệnh viện đa khoa huyện B cấp cứu, nhưng đến 20 giờ 30 phút cùng ngày thì Đ chết.

Sau khi gây án, T đi xuống Đại đội cơ động Biên phòng thông báo đã giết Đ và gọi điện thoại cho Trưởng Công an huyện B báo lại sự việc.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi. Kết quả xác định hiện trường là phòng ngủ nơi ở của gia đình Nông Thị Đ. Khám nghiệm tử thi xác định: Tại vùng ngực trái có một vết thương kích thước 7,5cm x 5cm xuyên thấu vào khoang ngực, cắt đứt cung trước xương sườn trái số 3,4,5,6,7 theo hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau làm rách thùy trên và thùy dưới phổi trái.

Tiến hành trưng cầu truy nghiên dấu vết máu thu được tại hiện trường và các vật chứng khác. Kết luận giám định số: 1349 ngày 28/4/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận “*máu trên con dao nhọn, trên áo phong cộc tay, trên ga trải giường là máu của Nông Thị Đ*”.

Tại bản Cáo trạng số 21/KSĐT-TA ngày 30/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Cùng Chầy T về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi của bị cáo.

Bị cáo Cung Chảy T khai nhận: bị cáo và Đ đã quen biết nhau từ tháng 12/2014. Sau đó hai người đã nảy sinh tình cảm và phát sinh quan hệ nam nữ. Tháng 8/2016, Đ chuyển công tác vào B thì hàng tháng bị cáo vào thăm Đ 2 đến 3 lần, mỗi lần đều ăn ngủ tại phòng trọ của Đ như vợ chồng. Do nghi ngờ Đ có quan hệ tình cảm với người khác nên hai người đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn. Ngày 08/3/2017, bị cáo đi xe máy vào B để gặp Đ, hai người lại tiếp tục cãi vã. Ngày 12/3/2017, với mục đích kiểm tra xem Đ có quan hệ với người khác hay không, bị cáo đã nói với Đ là quay ra thành phố xong thực chất vẫn ở thị trấn B. Đến trưa ngày 12/3/2017, sau nhiều lần gọi cho Đ nhưng không thấy Đ trả máy, bị cáo đã bực mình. Khi đang ngồi ăn cơm, uống rượu với bạn tại thị trấn B, bị cáo tiếp tục gọi cho Đ nhiều cuộc thì Đ mới trả máy và nói là Đ về phòng rồi. Lúc này, do đã uống rượu, bị cáo rất tức giận và đã mua một con dao nhọn với ý định dùng để đâm Đ. Khi lái xe về đến phòng trọ của Đ, bị cáo yêu cầu Đ xuống Đại đội cơ động Biên phòng để nói chuyện và tại đây, trước mặt anh Lý Văn C và anh Triệu Minh H, Đ đã thừa nhận có tình cảm với anh Lê Bá L2 và thường xuyên nhắn tin qua lại.

Khi bị cáo và Đ quay về phòng trọ, tại phòng khách, hai người tiếp tục có lời qua tiếng lại, bị cáo yêu cầu Đ đi chỗ khác để nói chuyện nhưng Đ không nghe và đi vào phòng ngủ. Sau đó, bị cáo cũng vào theo, hai người lại tiếp tục cãi vã. Bất mãn với thái độ của Đ, bị cáo đã dùng con dao mà mình mua trước đó đâm vào ngực trái của Đ làm Đ ngã ra giường, theo đà bị cáo chúi về phía trước và đè lên người Đ. Khi bị đâm, Đ đã kêu cứu thì con gái và mẹ đẻ ở ngoài phòng khách cùng chạy vào. Bị cáo bỏ ra ngoài và đi đầu thú, còn con gái và mẹ đẻ của Đ thì gọi người đưa Đ đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện B, tỉnh Cao Bằng nhưng đến 20 giờ 30 phút cùng ngày thì Đ chết. Tại phiên tòa bị cáo T tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Về phần bồi thường thiệt hại chấp nhận bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nông Hồng N (chồng của người bị hại) trình bày: Về sự việc T cầm dao đâm vợ tôi là Nông Thị Đ tôi không được chứng kiến, sau khi sự việc xảy ra tôi có vào B, tôi là người thuê xe đưa xác vợ tôi về nhà tại thành phố C để lo mai táng, chi phí tôi là người bỏ ra. Tại phiên tòa tôi đề nghị Hội đồng

xét xử xử phạt bị cáo Cung Chảy T theo quy định của pháp luật. Về phần bồi thường thiệt hại, tại cơ quan điều tra tôi có đơn yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại về tính mạng với tổng số tiền là 638.000.000đ (sáu trăm ba mươi tám triệu đồng), nay tại phiên tòa tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường khoản tiền thuê xe 10.000.000đ, khoản tiền chi phí đám tang 40.000.000đ, còn các khoản khác tôi yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bà Nông Thị F tại cơ quan điều tra khai nhận: Bà là mẹ đẻ của chị Nông Thị Đ, trước ngày xảy ra vụ án, bà có đến sống với con gái tại phòng trọ, trong thời gian ở với con gái bà thấy Cung Chảy T có đến phòng trọ của Đ ăn ở sinh hoạt, ngày 8/3/2017 T có đến thăm con gái tôi và ở tại phòng trọ, đến trưa ngày 12/3/2017 T nói là đi ra thành phố C để tiếp tục công việc. Nhưng đến tối T lại quay lại và dùng dao đâm con gái tôi. Lúc sự việc xảy ra có tôi và cháu G ở phòng ngoài, còn T và chị Đ ở trong buồng phía trong, khi hai người vào trong buồng được khoảng 05-08 phút thì tôi nghe Đ kêu lên “Con ơi”, lập tức cháu G chạy vào buồng và tôi cũng đi vào theo sau. Lúc vào tôi thấy T đang nằm đè lên người Đ, trên ngực Đ thì có 01 con dao màu đen đang cắm ở trước ngực, lúc này Đ không nói được gì, thấy vậy cháu G nói “bác làm gì mẹ cháu đấy”, cháu G nói vậy thì T bỏ đi ra ngoài và đi xuống đại đội cơ động, còn tôi thì rút dao trên người Đ ra và để con dao ở gầm giường gian bên ngoài, sau đó tôi có kêu cứu, mọi người đến cùng đưa Đ đến bệnh viện cấp cứu. Quá trình điều tra bà Nông Thị F ủy quyền cho Nông Hồng N là người đại diện hợp pháp người bị hại.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa cháu Nông Hương G khai nhận: Nông Thị Đ là mẹ đẻ của tôi, tôi sống cùng mẹ tại huyện B, tôi biết mẹ tôi có tình cảm với Cung Chảy T từ năm 2016, ngày 8/3/2017 T có đến thăm mẹ tôi ở phòng trọ tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vào khoảng 20 giờ, ngày 12/3/2017 lúc đó tôi đang học bài ở buồng bên ngoài cùng với bà ngoại là Nông Thị F thì nghe tiếng mẹ tôi hét lên “con ơi” thì tôi chạy vào buồng bên trong nhìn thấy T tay đang cầm con dao đâm vào ngực mẹ tôi, vì vậy tôi biết Cung Chảy T là người dùng dao giết mẹ tôi. Tôi đề nghị Tòa xử T nghiêm khắc và T phải bồi thường thiệt hại cho gia đình tôi.

Tại cơ quan điều tra người làm chứng Lý Văn C trình bày: Tôi không có quan hệ gì với Nông Thị Đ, khoảng tháng 8/2016 Đ chuyển từ thành phố C vào giảng dạy tại trường Mầm non, Đ có đến xin ở nhờ dãy phòng trọ của đơn vị. Còn đối với Cung Chảy T từ sau khi Đ vào ở trọ thì có qua lại nên quen biết nhau. Ngày 12/3/2017 tôi có gặp Cung Chảy T 03 lần. Lần 1: Vào khoảng 18 giờ T có vào đơn vị gặp tôi nhờ tôi gọi điện cho đồng chí Lê Bá L2 về, hôm đó do đồng chí H trực chỉ huy đã giải quyết cho đồng chí L2 đi ăn cơm khách, sau đó đồng chí H đã gọi đồng chí L2 về. T đi về còn đi đâu tôi không biết; Lần 2: Vào khoảng hơn 19 giờ, T cùng Đ vào phòng khách của đơn vị nói chuyện, lúc đó có tôi và H, Đ có nói là “em có nhắn tin tình cảm với L2, mong các anh tạo điều kiện cho em ở mấy hôm nữa..”; Lần 3: Vào khoảng 20 giờ 20 phút, nghe tiếng ồn ào trong sân đơn vị đi ra xem thì gặp Cung Chảy T đang ở sân, T có nói với tôi “C ơi tôi vừa giết Đ” và còn nói “Tôi vào đây báo cáo các anh là tôi giết người rồi, tôi giết bên đối diện Đại đội cơ động”. Lúc đó có mấy anh em chiến sỹ và cả đồng chí L2 đang ở đó. Thấy đồng chí L2, T lao vào đánh L2 thì được mọi người can ngăn đẩy ra khỏi cổng đơn vị. Sau đó T gọi điện cho Công an huyện B và đi đầu thú.

Những người làm chứng Hoàng Văn P, Lãnh Văn Z, Nông Thị Y khai: Việc ai là người đâm Nông Thị Đ thì không biết và không được nhìn thấy, khi nghe con gái Đ là G và mẹ đẻ chị Đ là bà F gọi kêu cứu thì có được đến phòng trọ chị Đ. P khai khi vào phòng thì thấy Đ đang nằm trên giường, hai chân buông xuống chạm đất, lúc tôi vào thì có một người phụ nữ cũng vừa chạy đến, tôi cùng người đó bế dựng Đ lên và bế ra ngoài để đưa đi bệnh viện cấp cứu; Z khai là người trực tiếp đèo chị Đ đi bệnh viện B, lúc mọi người đưa Đ lên xe tôi thấy Đ không còn nói được, người đã mềm nhũn, tôi không nhìn thấy vết thương ở trên cơ thể Đ, chỉ thấy áp một chiếc chăn chiên lên trước ngực Đ còn máu thì thấm hết áo. Nông Thị Y khai khi thấy mẹ đẻ chị Đ gọi “Y ơi, cứu chị Đ, chị Đ chết rồi, họ đánh chị Đ” tôi chạy đến phòng trọ thì thấy Đ nằm ngửa trên giường, chỗ Đ nằm có vũng máu, đầu tóc bê bết máu, tôi chạy ra gọi chồng tôi là Lãnh Văn Z, tôi và P khiêng chị Đ từ buồng ra để chồng tôi đèo xe máy đưa chị Đ đi cấp cứu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Cung Chảy T về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú và trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và tỏ ra rất hối hận. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Cung Chảy T từ 18 đến 20 năm tù. Đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tính mạng theo quy định của pháp luật và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với bị cáo Cung Chảy T về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội là do bị cáo và bị hại đã có mâu thuẫn từ trước xuất phát từ việc nghi ngờ Đ có quan hệ tình cảm với người khác, bị cáo đã uống rượu không làm chủ được bản thân. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần tranh luận: Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận, bào chữa thêm.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Cung Chảy T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, của những người làm chứng về thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Cung Chảy T và Nông Thị Đ có quan hệ tình cảm với nhau như vợ chồng. Ngày 12/3/2017, do có xích mích với Nông Thị Đ do nghi ngờ Đ có quan hệ tình cảm với người khác, bị cáo Cung Chảy T đã mua một con dao nhọn với ý định dùng để đâm Đ. Vào khoảng 20 giờ cùng ngày, tại phòng ngủ của Đ ở dãy nhà trọ của Đại đội cơ động, Tiểu đoàn huấn luyện cơ động thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Cao Bằng đóng quân tại địa phận xóm N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Cung Chảy T đã dùng 01 con dao nhọn đâm một phát vào ngực trái của Nông Thị Đ, sau đó Đ được đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện B, tỉnh Cao Bằng nhưng đến 20 giờ 30 phút cùng ngày đã tử vong.

Tại bản kết luận giám định số: 1349 ngày 28/4/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận *“máu trên con dao nhọn, trên áo phong cộc tay, trên ga trải giường là máu của Nông Thị Đ”*.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi xác định: Tại vùng ngực trái có một vết thương kích thước 7,5cm x 5cm xuyên thấu vào khoang ngực, cắt đứt cung trước xương sườn trái số 3,4,5,6,7 theo hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau làm rách thùy trên và thùy dưới phổi trái.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 013/17/TT ngày 20/3/2017 của Trung tâm pháp y sở Y tế Cao Bằng kết luận: *Vết thương vùng ngực bên trái thấu phổi trái; Nguyên nhân chết: Mất máu tối cấp, hậu quả của vết thương vùng ngực bên trái thấu phổi trái.*

Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “Giết người” được quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự. Hành vi đó của bị cáo thể hiện tính hung hãn, côn đồ, coi thường tính mạng người khác, đặc biệt đó lại là phụ nữ và người bị hại trong vụ án này là người có mối quan hệ thân thiết, gần gũi với bị cáo, bị cáo biết rõ Nông Thị Đ là người đã có gia đình mà bị cáo và Đ vẫn giữ mối quan hệ tình

cảm, do mâu thuẫn vì nghi ngờ Đ có mối quan hệ tình cảm với người khác, để giải quyết mâu thuẫn với thủ đoạn đặc biệt nguy hiểm, thể hiện ý chí của bản thân cố ý tước đoạt tính mạng của chị Đ, dù bị cáo nhận thức được hành vi của mình dùng con dao sắc nhọn đâm chị Đ sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi bị cáo đã tước đoạt tính mạng của chị Đ một cách trái pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Cung Chảy T về tội “Giết người” với tình tiết định khung tại điểm n (có tính chất côn đồ) khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đây là vụ án giết người có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, do bị cáo T trực tiếp thực hiện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi giết người là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe người khác nên đã cố ý dùng dao đâm chết Nông Thị Đ. Mặt khác, người bị hại trong vụ án này là người có mối quan hệ thân thiết, gần gũi với bị cáo. Mặc dù việc bị cáo và Nông Thị Đ đã chung sống với nhau như vợ chồng trong khi Đ là người đã có gia đình là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức truyền thống thuần phong mỹ tục của nước ta nhưng không thể phủ nhận Đ là người có quan hệ gần gũi, thân thiết với bị cáo. Bị cáo đã trực tiếp tước đoạt sinh mạng chị Đ một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân ở địa phương bất bình, lên án. Do vậy cần phải xử phạt thật nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội thời gian dài mới có đủ điều kiện để giáo dục cải tạo, trừng trị bị cáo và răn đe những kẻ có tính chất côn đồ coi thường tính mạng sức khỏe của người khác nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an huyện B đầu thú, nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định

tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Tại phiên tòa, Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo mức án nhẹ cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xét thấy căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cần có mức án phù hợp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về phần tội danh, hình phạt, trách nhiệm bồi thường dân sự và quan điểm xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử nhận thấy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã dựa vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để đưa ra đề nghị về xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 18 đến 20 năm tù là có căn cứ, phần đề nghị về trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

* Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nông Hồng N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tính mạng, số tiền chi phí đám tang do ông N bỏ tiền lo và hiện nay cháu G là con chung do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nông Hồng N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gồm các khoản sau:

- Khoản tiền thuê xe 10.000.000đ, trong đó thuê xe chở thi thể Nông Thị Đ từ B ra thành phố C số tiền 6.000.000đ, thuê xe chở đồ của Nông Thị Đ từ B ra thành phố C với số tiền 4.000.000đ;

- Khoản tiền chi phí đám tang 40.000.000đ;

- Các khoản khác gồm bồi thường tổn thất tinh thần, tiền nuôi cháu G tôi yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật;

Xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp bị hại, theo quy định của pháp luật bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tính mạng cho gia đình người bị hại các khoản chi phí hợp lý có căn cứ theo quy định của pháp luật. Còn các khoản chi phí không hợp lý và không có căn cứ thì không chấp nhận.

Các khoản chi phí không hợp lý, không có căn cứ gồm:

Tiền chi phí đám tang theo yêu cầu tổng cộng là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), khoản chi phí này chỉ chấp nhận số tiền mua áo quan, nhà táng, vải, giấy, hương. Còn chi phí ăn uống không chấp nhận.

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các khoản chi phí sau:

- Tiền thuê xe ô tô chở tử thi chị Đ từ huyện B ra thành phố C để tổ chức mai táng với số tiền 6.000.000đ và khoản tiền thuê xe chở đồ đạc cá nhân của bị hại. Xét thấy khoản chi phí này không có hóa đơn chứng từ chỉ có xác nhận của nhà xe, nhưng xét thấy đây là chi phí thực tế nên cần được chấp nhận với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Khoản tiền chi phí mai táng phí: Chấp nhận số tiền mua áo quan, nhà táng, vải, giấy, hương... với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho mẹ đẻ, chồng, con của người bị hại với số tiền bằng 100 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử, $100 \times 1.300.000/1 \text{ tháng} = 130.000.000\text{đ}$ (một trăm ba mươi triệu đồng).

Tổng cộng các khoản là: 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ và ông N có 01 con chung là Nông Hương G, sinh ngày 25/4/2004, do vậy bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng đối với cháu G cho đến khi cháu Giang đủ 18 tuổi, mỗi tháng bằng 01 tháng lương cơ sở, cụ thể mỗi tháng 1.300.000.đ (một triệu ba trăm ngàn đồng chẵn).

Do vậy cần xử buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tính mạng cho người đại diện hợp pháp của bị hại gồm Nông Thị F, Nông Hồng N, Nông Hương G với tổng số tiền là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và khoản tiền cấp dưỡng đối với cháu Nông Hương G, sinh ngày 25/4/2004 mỗi tháng 1.300.000.đ (một triệu ba trăm ngàn đồng chẵn) cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2017 trở đi.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu, tiêu hủy những tài sản, đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và những đồ vật không có giá trị sử dụng; trả lại cho

bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại những đồ vật, tài sản không liên quan đến vụ án, cụ thể:

+ Xử tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao nhọn dài 38cm.
- 01 (một) áo phông cộc tay có dính máu của Nông Thị Đ.
- 01 (một) đôi giày vải màu đen.
- 02 (hai) mẫu máu thu tại hiện trường.
- 01 (một) mẫu máu thu của Nông Thị Đ.

+ Xử trả lại cho bị cáo Cung Chảy T:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, biển kiểm soát 29T1 - 4096, loại xe hai bánh, màu sơn ghi-xám, số khung 034223, số máy 34223 và 01 (một) đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Tiến O, BKS: 29T1-4096. Nhưng cần tạm giữ chiếc xe máy để phát mại cho việc thi hành án phần bồi thường thiệt hại.

- 01 (một) ví da màu đen.

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 500.000,0đ (Năm trăm nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) thẻ ATM Agribank mang tên Cung Chảy T.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Cung Chảy T.

- 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEL: 357932061259100

+ Xử trả lại cho ông Nông Hồng N là người đại diện hợp pháp của người bị hại:

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEL: 352700077536901.

Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Cung Chảy T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cung Chảy T - 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 12/3/2017.

2. Về phần bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 591 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Cung Chảy T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm cho những người đại diện hợp pháp của bị hại là Nông Thị F (trú tại: Xóm A, xã X, huyện B, tỉnh Cao Bằng), Nông Hồng N và Nông Hương G (đều trú tại: xóm N, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) một khoản tiền là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng đối với cháu Nông Hương G, sinh ngày 25/4/2004 do ông Nông Hồng N (trú tại: xóm N, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) là người đại diện hợp pháp, mỗi tháng 1.300.000.đ (một triệu ba trăm ngàn đồng chẵn) cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2017 trở đi.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của những người đại diện hợp pháp của bị hại nếu bị cáo Cung Chảy T chưa thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

3. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Xử tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao nhọn dài 38cm.
- 01 (một) áo phông cộc tay có dính máu của Nông Thị Đ.
- 01 (một) đôi giày vải màu đen.
- 02 (hai) mẫu máu thu tại hiện trường.
- 01 (một) mẫu máu thu của Nông Thị Đ.

* Xử trả lại cho bị cáo Cung Chảy T số tài sản, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án gồm:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, biển kiểm soát 29T1 - 4096, loại xe hai bánh, màu sơn ghi-xám, số khung 034223, số máy 34223 và 01 (một) đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Tiến O, BKS: 29T1- 4096. Nhưng cần tạm giữ chiếc xe máy để phát mại cho việc thi hành án phần bồi thường thiệt hại.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 500.000,0đ (Năm trăm nghìn đồng).

* Xử trả lại cho bị cáo Cung Chảy T số tài sản, giấy tờ gồm:

- 01 (một) ví da màu đen.
- 01 (một) thẻ ATM Agribank mang tên Cung Chảy T.
- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Cung Chảy T.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEL: 357932061259100

* Xử trả lại cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là Nông Hồng N:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số IMEL: 352700077536901.

Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển đến cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số 50 ngày 16/6/2017.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Cung Chảy T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng và án phí dân sự có giá ngạch 5% của số tiền phải bồi thường là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) x 5% = 8.000.000đ (tám triệu đồng chẵn). Cộng hai khoản, bị cáo phải chịu là 8.200.000đ (tám triệu hai trăm ngàn đồng chẵn) sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa. Báo cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- VKSND tỉnh CB;
- Phòng PC 45 Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Sở Tư pháp;
- Trại giam;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Biên Hòa